**PHỤ LỤC IV**

**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VỚI**

**NGÀNH DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Thông báo số 1558 /TB-T02-ĐTBD ngày 01 tháng 6 năm 2022 của*

*Giám đốc Học viện CSND)*

**I.** **Đối với tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm - Mã số: 8380105**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngành phù hợp**  **(Ngành tốt nghiệp đại học)** | **Ghi chú** |
| 1. Luật (do các trường CAND đào tạo)  2. Điều tra hình sự  3. Trinh sát cảnh sát  4. Kỹ thuật hình sự  5. Quản lý Nhà nước về an ninh trật tự  6. Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp  7. Trinh sát an ninh  8. An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao  9. Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ  10. Trinh sát kỹ thuật  11. Tình báo an ninh  12. Hậu cần CAND  13. Kỹ thuật CAND  14. Các ngành tốt nghiệp đại học khác thuộc Danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo trong Công an nhân dân  15. Các ngành tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Quân sự trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III |  |

**II. Đối với tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý Nhà nước về an ninh trật tự - Mã số: 8860109**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngành phù hợp**  **(Ngành tốt nghiệp đại học)** | **Ghi chú** |
| 1. Quản lý Nhà nước về an ninh trật tự  2. Trinh sát cảnh sát  3. Điều tra hình sự  4. Kỹ thuật hình sự  5. Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp  6. Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ  7. Trinh sát an ninh  8. Trinh sát kỹ thuật  9. Tình báo an ninh  10. Hậu cần CAND  11. An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao  12. Kỹ thuật CAND  13. Các ngành tốt nghiệp đại học khác thuộc Danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo trong Công an nhân dân  14. Các ngành tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Quân sự trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III |  |

**III. Đối với tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Trinh sát Cảnh sát - Mã số: 8860102**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngành phù hợp**  **(Ngành tốt nghiệp đại học)** | **Ghi chú** |
| 1. Trinh sát cảnh sát  2. Quản lý Nhà nước về an ninh trật tự  3. Điều tra hình sự  4. Kỹ thuật hình sự  5. Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp  6. Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ  7. Trinh sát an ninh  8. Trinh sát kỹ thuật  9. Tình báo an ninh  10. Hậu cần CAND  11. An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao  12. Kỹ thuật CAND  13. Các ngành tốt nghiệp đại học khác thuộc Danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo trong Công an nhân dân  14. Các ngành tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Quân sự trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III |  |

**PHỤ LỤC V**

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG**

**TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Thông báo số 1558 /TB-T02-ĐTBD ngày 01 tháng 6 năm 2022 của*

*Giám đốc Học viện CSND)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngôn ngữ** | **Chứng chỉ /Văn bằng** | **Trình độ/Thang điểm** | |
| **Tương đương Bậc 3** | **Tương đương Bậc 4** |
| Tiếng Anh | TOEFL iBT | 30-45 | 46-93 |
| TOEFL ITP | 450-499 |  |
| IELTS | 4.0 - 5.0 | 5.5 -6.5 |
| Cambridge  Assessment  English | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill.  Thang điểm: 140-159 | B2 First/B2 Business Vantage/  Linguaskill. Thang điểm: 160-179 |
| TOEIC (4 kỹ năng) | Nghe: 275-399  Đọc: 275-384  Nói: 120-159  Viết: 120-149 | Nghe: 400-489  Đọc: 385-454  Nói: 160-179  Viết: 150-179 |